

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng**  
**Năm 2021**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4800129232
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Phố Kim Đồng - Phường Hợp Giang - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại: 0263 505 505
- Số fax: 0263 852 579
- Website: <http://cmamc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: KCB

\* *Quá trình hình thành và phát triển:* Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở chuyển đổi Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thành Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

- Ngày 01/7/2006, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4800129232 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/07/2006 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng và cấp thay đổi thứ 05 ngày 16/10/2012 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51,89%.

- Ngày 16/12/2010, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu với tổng số cổ phần lưu ký là 8.000.000 cổ phần.

- Năm 2012, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức được Ủy ban chứng khoán Nhà nước đưa vào danh sách công ty đại chúng.

- Ngày 01/12/2015, cổ phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức niêm yết trên sàn giao dịch UpCOM.

\* *Các sự kiện khác:* Không có.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

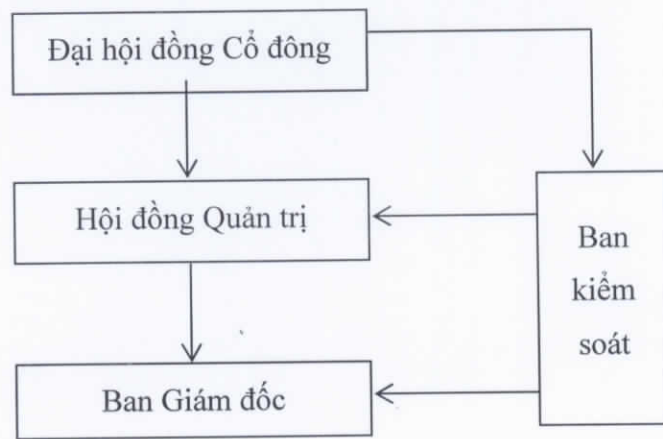
\* *Ngành nghề kinh doanh:* Khảo sát thăm dò địa chất các loại khoáng sản; Khai thác tuyển luyện gia công chế biến kinh doanh khoáng sản; Công trình kỹ thuật dân dụng phát dẫn truyền tải điện năng.

\* *Địa bàn kinh doanh:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

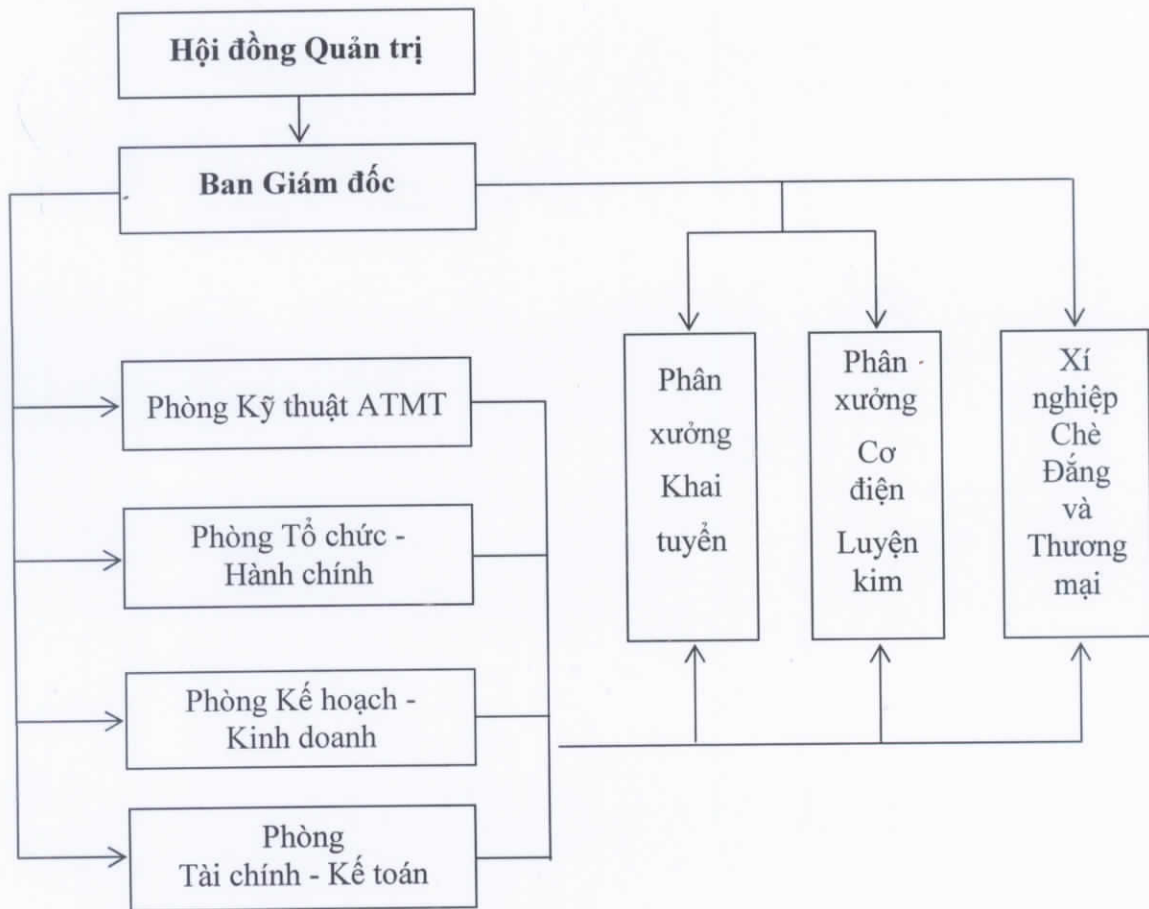
- Thành phố Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
- Thị trấn Tĩnh Túc - Huyện Nguyên Bình - Tỉnh Cao Bằng
- Xã Trường Hà - Huyện Hà Quảng - Tỉnh Cao Bằng

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị: theo Luật doanh nghiệp



- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

Công ty liên kết: Cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Thái Tuấn

Địa chỉ: Phường Đề Thám - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng;

Lĩnh vực SXKD: sửa chữa, trung đại tu ô tô;

Vốn góp: 105.000.000 đồng; Tỷ lệ sở hữu: 5,56%

Năm 2021, sau khi Công ty Cổ phần Ô tô THADICO giải thể, Công ty đã thu lại số tiền 359.072.822 đồng. Gồm: 105.000.000 đồng vốn đầu tư và 254.072.822 đồng lợi nhuận.

#### 4. Định hướng phát triển

\* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2022:

- Doanh thu: 121.255 triệu đồng;

- Tập trung bám sát các cơ quan chức năng để xin chủ trương đầu tư khai thác mỏ thiếc Nậm Kép và dự kiến triển khai thực hiện Lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường mỏ thiếc Nậm Kép để trình cơ quan chức năng xin cấp phép.

- Thực hiện đầu tư 02 xe ô tô bổ sung năng lực thiết bị.

\* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng cường công tác quản trị chi phí nhằm giảm chi phí sản xuất đến mức thấp nhất.

- Quan tâm đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty.

- Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản.

- Sắp xếp lại lao động phù hợp với công nghệ và tổ chức sản xuất.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Đảm bảo an toàn môi trường, an sinh xã hội.

**5. Các rủi ro:** (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Thiên tai: lũ lụt, nắng hạn kéo dài;

- Thay đổi chính sách của Nhà nước.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2021:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch		Tỷ lệ (%)	
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
1	<b>Tổng doanh thu</b>	Tr.đ	125.476	82.464	121.255	152	103
2	<b>Lợi nhuận</b>	Tr.đ	18.574	3.350	16.088	554	115
3	<b>Các sản phẩm sản xuất</b>						
3.1	Thiếc thỏi 99,75% Sn	Tấn	130	130	139	100	93,5
3.2	Vàng cám	Kg	2,5	2,0	2,5	125	100
3.3	FerôSilic 45	Tấn	690	720	720	95,8	95,8

- Thiếc thỏi 99,75%Sn tinh luyện: Đạt 130/130 tấn bằng 100% KH và bằng 140% so với cùng kỳ năm 2020.

- Sản phẩm vàng sa khoáng: Sản xuất đạt 2,5/2,0 kg, bằng 125% KH và bằng 93,8% so với cùng kỳ năm 2020.

- Sản xuất Ferro Silic 45: sản xuất đạt 690/720 tấn bằng 95,8% KH và bằng 83,3% so với cùng kỳ năm 2020.

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

Gồm các ông/bà sau:

+ Ông Trần Văn Chương giữ chức danh Giám đốc Công ty từ 03/01/2020 đến nay.

+ Ông Nguyễn Tiến Hào giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 01/8/2013 đến nay;

+ Ông Đỗ Hữu Chiêm giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 06/02/2020 đến nay.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Lao động đầu kỳ: 170 người; hết ngày 31/12/2021: 173 người;

+ Lao động sử dụng bình quân: 170 người.

CBCNV trong Công ty đều được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và hưởng các quyền lợi theo Luật lao động. Ngoài ra còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty, Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án (năm 2021)

#### a) Các khoản đầu tư lớn:

Công ty đã hoàn thiện đầu tư 01 máy xúc thuộc hạng mục duy trì sản xuất với giá trị 4,796 tỷ đồng.

Đối với dự án Khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm tại bãi thải khu tây mỏ thiếc Tĩnh Túc: Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác số 2451/GP-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021.

Đối với dự án Đầu tư khai thác quặng thiếc sa khoáng mỏ Nậm Kép: Đã hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Đầu tư xây dựng. Công ty đã nộp hồ sơ lên cơ quan quản lý Nhà nước để xin chủ trương đầu tư dự án.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	96.661	109.622	113
Doanh thu thuần	60.624	123.690	204
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-353	19.344	
Lợi nhuận khác	2.388	-770	
Lợi nhuận trước thuế	2.035	18.574	912
Lợi nhuận sau thuế	2.035	18.574	912
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác: không có

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
<u>Tài sản ngắn hạn</u>	1,74	3,16	
Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0,92	2,85	
Nợ ngắn hạn			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,3	0,22	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,37	0,31	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	1,99	5,64	
$\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản}}$	0,62	1,12	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,23	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,16	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,15	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 8.000.000 cổ phần;

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.000.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4800129232 ngày 01/07/2006. Theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng nắm giữ đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông tính đến 31/12/2021	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên)</b>	<b>2</b>	<b>5.313.726</b>	<b>66,42</b>
1.1	Cổ đông Nhà nước	1	4.150.869	51,89
1.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1	1.162.857	14,53
<b>2</b>	<b>Cổ đông nhỏ (nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần)</b>	<b>1.079</b>	<b>2.686.274</b>	<b>33,58</b>
2.1	Cổ đông tổ chức trong nước	1	230.316	2,88
2.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1.078	2.455.958	30,94
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.081</b>	<b>8.000.000</b>	<b>100</b>

*R. Chan*

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* (Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v...): Không có.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* (Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch): Không có.

e) *Các chứng khoán khác:* (Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty liên quan đến việc phát hành chứng khoán): Không có.

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.*

Sản phẩm chính: Thiếc thời 99,75%Sn: 130,0 tấn

- Nguyên liệu chính: Quặng thiếc 70%: 183,2 tấn

b) *Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.*

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a) *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.*

- Nhiên liệu, than cốc các loại: 913 tấn.

b) *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:*  
Không có.

c) *Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:* Không có.

### **6.3. Tiêu thụ nước:** (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.*

- Nguồn cung cấp nước: Nước suối Cami, Cao Sơn - Nguyên Bình - Cao Bằng.

- Lượng nước sử dụng dùng cho tuyển rửa đất quặng: 579.647 m<sup>3</sup>.

b) *Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.*

- Lượng nước lưu hồi, tái sử dụng chiếm 90%: 521.682 m<sup>3</sup>.

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) *Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không có.

b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:* Không có.

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động*

- Số lượng lao động: 173 người.

- Mức lương trung bình: 10 triệu đồng/người/tháng.

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động*

- Người lao động có chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ.

*c) Hoạt động đào tạo người lao động*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:  
Số giờ đào tạo trung bình 8h/người/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Các chương trình đào tạo: Tập huấn công tác nghiệp vụ, công tác an toàn môi trường; bồi dưỡng kèm cặp nâng bậc...

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

**6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

*Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).*

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại mục 1 phần 2 của báo cáo này.

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

*\* Công tác quản trị chi phí:*

Trong năm, Công ty đã bám sát kế hoạch phê duyệt để điều hành, kiểm soát chi phí giá thành sản xuất.

Tăng cường kiểm soát theo từng tuần/tháng việc sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu sản xuất tại từng công đoạn để đánh giá và đưa ra giải pháp đảm bảo định mức giao khoán.

Hàng tháng triển khai việc nghiệm thu thanh quyết toán cho từng công đoạn sản xuất và đưa ra phương hướng nhiệm vụ kế hoạch tháng tiếp theo đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của công trường, nhà máy đảm bảo hiệu quả.

Năm 2021, Công ty đã tập trung xử lý vật tư, nguyên vật liệu tồn kho chậm luân chuyển; đã bám sát các cơ quan quản lý Nhà nước và rút được tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường khu Đông mỏ thiếc Tĩnh Túc là: 7.870 Tr.đồng.

*\* Công tác Khai thác, Tuyển khoáng:*

- Công tác khai thác mỏ: Năm 2021, Công ty chủ động xây dựng chi phí sản xuất trên cơ sở hàm lượng, cung độ vận tải (với hàm lượng 150 - 200g/m<sup>3</sup> và cung độ 0,3 km thì sản xuất có hiệu quả). Do vậy, công tác khai thác mỏ đã tận thu triệt để nguồn tài nguyên đất quặng để phục vụ tuyển rửa và giảm lượng đất đá thải tại công trường. Sản lượng đất đá thải chứa quặng đạt 238.483 m<sup>3</sup>.

Ngoài ra các chỉ tiêu công nghệ cơ bản đảm bảo kế hoạch đề ra, cụ thể: Hệ số bóc là 0,15 m<sup>3</sup>/tấn; Cung độ vận chuyển đất đá thải là 0,5 km; Cung độ vận chuyển đất quặng là 0,58 km; v.v...

- Công tác tuyển khoáng: Trong năm Công ty đã huy động 05 hệ tuyển hoạt động ổn định tại 02 khu vực: TLP và khu Tây. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản đảm bảo định mức đề ra. Sản lượng tinh quặng  $\geq 70\%$  Sn thực hiện đạt 177,5 tấn; Thực thu tuyển thô đạt 80,28%; Thực thu tuyển tinh đạt 95,58%.

Để tăng sản lượng trong điều kiện công trường khai thác tận thu trữ lượng, hàm lượng thấp và không ổn định. Công ty đã triển khai lắp đặt thêm 01 hệ thống tuyển thô và đã đưa vào hoạt động ổn định đóng góp vào sản lượng sản xuất của Công ty. Trong năm 2022, Công ty tiếp tục triển khai gia công và lắp đặt thêm các hệ thống tuyển để nâng cao sản lượng.

\* Công tác phát dẫn điện năng và luyện kim:

- Phát dẫn điện năng: Điện năng phát dẫn trong năm ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất của Công ty.

- Luyện thiếc: Năm 2021, Công ty không thực hiện tự luyện thiếc thỏi. Công tác luyện thiếc được thuê đơn vị ngoài thực hiện và luyện nhiều đợt trong năm để chủ động bán hàng khi giá thị trường biến động có lợi, chủ động được nguồn tài chính duy trì hoạt động sản xuất của Công ty. Đồng thời nâng cao được thực thu luyện thiếc lên 96,5% so với mức thực thu trực tiếp tự luyện trước đây của Công ty là 94%.

- Luyện Ferro silic 45: Đã kiểm soát tốt các chỉ tiêu công nghệ đảm bảo tiêu hao và năng suất theo kế hoạch đề ra. Sản lượng thực hiện đạt 690 tấn.

\* Công tác cơ điện:

Công tác cơ điện đã có nhiều chuyển biến tích cực so với những năm trước đây. Đã triển khai sửa chữa bảo dưỡng thiết bị theo định kỳ, khắc phục các sự cố về thiết bị kịp thời đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động ổn định phục vụ sản xuất.

Giá trị sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên thực hiện đạt 2.873 tr.đ; Giá trị sửa chữa trung đại tu đạt 738 tr.đ.

Trong năm, Công ty đã tự gia công chế tạo và lắp đặt các hệ thống tuyển thô. Khắc phục, sửa chữa các vật tư thu hồi sau thay thế, sửa chữa để tái sử dụng phục vụ sản xuất.

## 2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch
1	2	3	3	5=3-4
<b>A- Tình hình tài chính</b>				
<b>I- Tài sản ngắn hạn</b>	100 - BCĐKT	<b>73.498</b>	<b>50.130</b>	<b>23.368</b>
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	15.801	1.507	14.294
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	130 - BCĐKT	40.192	25.243	14.949
3- Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	7.295	23.342	-16.047
4- Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	208	37	171
<b>II- Tài sản dài hạn</b>	200 - BCĐKT	<b>36.123</b>	<b>46.532</b>	<b>-10.409</b>
1- Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	1.130	8.599	-7.469
2- Tài sản cố định	220 - BCĐKT	22.390	24.340	-1.950



Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch
1	2	3	3	5=3-4
- Nguyên giá	222+225+228 - BCĐKT	204.709	199.874	4.835
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229 - BCĐKT	(182.431)	(176.009)	6.422
3-Tài sản dở dang dài hạn	240 - BCĐKT	7.289	9.440	-2.151
4- Đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT		105	-105
5- Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	5.313	4.047	1.266
<b>III- Nợ phải trả</b>	300 - BCĐKT	<b>24.898</b>	<b>29.772</b>	<b>-4.874</b>
1- Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	<b>23.220</b>	<b>28.809</b>	<b>5.589</b>
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	311-BCĐKT	6.447	10.335	-3.888
- Người mua trả tiền trước	312-BCĐKT		300	-300
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313-BCĐKT	3.266	2.285	981
- Phải trả người lao động	314-BCĐKT	6.089	4.142	1.947
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315-BCĐKT	29	10	19
- Phải trả ngắn hạn khác	319-BCĐKT	768	1.424	-656
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320-BCĐKT	2.050	6.445	-4.395
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322-BCĐKT	2.847	3.866	-1.019
2- Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	<b>1.678</b>	<b>963</b>	<b>715</b>
- Phải trả dài hạn khác	337 - BCĐKT	28	13	15
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 - BCĐKT	1.650	950	700
<b>IV- Vốn chủ sở hữu</b>	400 - BCĐKT	<b>84.723</b>	<b>66.889</b>	<b>17.834</b>
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	80.000	80.000	
Trong đó: Vốn góp của nhà nước		41.508	41.508	
2 - Quỹ đầu tư phát triển	418- BCĐKT	5.555	5.555	
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420 - BCĐKT	780	780	
4- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 - BCĐKT	(9.262)	(27.837)	

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch
1	2	3	3	5=3-4
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a - BCĐKT	(27.837)	(29.872)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b - BCĐKT	18.575	2.035	16.540
5- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433 - BCĐKT	7.651	8.391	740
<b>B/ Kết quả kinh doanh</b>				
1- Tổng doanh thu	01+21+31- BCKQKD	125.475	63.196	62.279
Trong đó: Doanh thu bán hàng		123.690	60.625	63.065
Doanh thu hoạt động tài chính		1.767	6	1.761
Thu nhập khác		18	2.565	-2.547
2- Tổng lãi (+), lỗ (-)	50- BCKQKD	18.574	2.035	16.539
3- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60 - BCKQKD	18.574	2.035	16.539
4- Tổng phải nộp ngân sách		17.440	13.257	4.183
<b>C/ Các chỉ tiêu đánh giá khác .</b>				
1- Tỷ suất lợi nhuận / doanh thu.		0,14	0,03	
2- Lợi nhuận / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	0,23	0,03	
3- Tổng nợ phải trả / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	0,31	0,03	
4- Khả năng thanh toán (Tổng TS/NPT)	lần	2,95	3,27	
5 - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn(TSNH/NNH)	lần	3,2	1,75	
6 - Khả năng thanh toán nhanh(TSNH-HTK)/NNH	lần	2,9	0,93	
7 - Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	%	67%	52%	
8 - Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	33%	48%	

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã triển khai xây dựng lại mô hình tổ chức sản xuất từ các tổ đội, phòng ban và định biên lại lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí và nâng cao lương, thu nhập cho người lao động.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh của Công ty với khẩu hiệu "Bền vững – Năng động – Phát triển".

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

*a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).*

Công ty đã triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên năm 2021, cụ thể như sau:

- Công tác quan trắc môi trường định kỳ: Phối hợp với Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật môi trường, Trung tâm quan trắc và dữ liệu tình thực hiện quan trắc giám sát theo tần suất 4 lần/năm đối với mẫu nước thải, 2 lần/năm đối với mẫu môi trường xung quanh. Các chỉ tiêu phân tích chất lượng môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải, khí thải.

- Thu gom xử lý chất thải nguy hại: Được thu gom và bảo quản tại các kho lưu chứa CTNH theo đúng quy định.

*b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.*

- Công ty thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân đầy đủ cho người lao động; Định kỳ hàng năm tổ chức các đợt khám, phân loại sức khỏe, BNN từ đó bố trí, sắp xếp việc làm hợp lý cho người lao động ...

- Tổ chức công tác huấn luyện ATVSLĐ định kỳ cho 93 người. Tiến hành đo, kiểm tra môi trường lao động tại các vị trí sản xuất.

- Trong năm Công ty không để xảy ra vụ TNLĐ nào.

*c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.*

- Thực hiện giám sát chất lượng môi trường thường xuyên theo đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường của Công ty. Kiểm soát không để phát tán chất thải gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sống của cộng đồng dân cư.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

Đánh giá chung kết quả hoạt động năm 2021, HĐQT ghi nhận sự nỗ lực của Công ty trong bối cảnh chung của nền kinh tế và sự cạn kiệt tài nguyên hiện nay. Ban điều hành Công ty đã trực tiếp bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công. Kết quả năm 2021 đã hoàn thành tốt kế hoạch đặt ra, sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021
Tổng doanh thu	Triệu đồng	82.464	125.476
Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	3.350	18.574
Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	17.071	20.400
Lao động sử dụng bình quân	Người/năm	175	170
Tiền lương bình quân	Trđ/người/tháng	7,9	10

*B. C. H.*

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2022, nhận định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, Công ty cần phải triển khai quyết liệt các giải pháp tiết kiệm vật tư, tiết giảm các chi phí, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị Công ty xác định các định hướng hoạt động cho năm 2022 với các nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp để thực hiện được các nội dung mà Đại hội thường niên đề ra. Tích cực hỗ trợ Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là xin cấp Giấy phép Dự án Nậm Kép.

3. Chỉ đạo Ban giám đốc tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tái cơ cấu lao động; công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; công tác Đầu tư; công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

4. Chỉ đạo Ban Giám đốc quan tâm, sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ theo thẩm quyền.

**V. Quản trị công ty** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

#### 1. Hội đồng quản trị

a) *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty có 05 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Lý Xuân Tuyên – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết; (được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 24/6/2021, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021).

- Ông Trần Văn Chương – Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT.

- Ông Đặng Văn Lâm – Phó phòng kinh doanh - Tổng công ty Khoáng sản – TKV, Thành viên HĐQT Công ty.

- Ông Hà Ngọc Bình, Thành viên HĐQT Công ty; đại diện 14,53% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Ông Đỗ Hữu Chiêm – Phó Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT (được bầu giữ chức thành viên HĐQT từ ngày 24/6/2021, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021).

b) *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:* (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có

c) *Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.*

Trong năm 2021, HĐQT tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, tổ chức 02 phiên họp và 04 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 16 Nghị quyết, 02 Quyết định để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ và giám sát thực hiện công tác điều hành sản xuất kinh doanh của công ty. Các cuộc họp của HĐQT được các thành viên tham gia đầy đủ, đưa ra các nghị quyết và quyết định phù hợp với điều lệ, phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty:

Các nội dung quan trọng Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2021 như sau:

- Phê duyệt vay vốn tín dụng Ngân hàng;
- Phê duyệt thuê thiết bị bổ sung năng lực xúc bốc, vận chuyển đất đá thải, đất đá thải chứa quặng năm 2021 khu vực bãi thải Thập Lục Phần;
- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
- Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật “Dự án khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải tại bãi thải khu Tây mỏ thiếc Tĩnh Túc, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng”;
- Thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Nghị quyết về việc đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2021.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Nghị quyết về việc bầu chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021;
- Nghị quyết về việc bổ nhiệm cán bộ chức danh Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;
- Nghị quyết về việc thông qua nội dung Quy chế nâng bậc lương, ngạch lương của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;
- Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ chức danh Kế toán trưởng Công ty;
- Quyết định về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương, ngạch lương của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
- Nghị quyết về việc thuê ngoài một số công đoạn chính phục vụ sản xuất năm 2022.
- Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất.
- Nghị quyết về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Nghị quyết về việc dừng dự án đầu tư xây dựng khu chung cư Nà Cáp, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Nghị quyết về việc dừng dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Tà Sa số 2.

d) *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.*

e) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.*

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Ban kiểm soát (BKS) Công ty có 03 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Nguyễn Thanh Long - Phó phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Trưởng BKS Công ty;

- Ông Đặng Giang Nam – Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty - Thành viên BKS;

- Ông Đàm Nông Minh – Phó phòng Tổ chức hành chính - Thành viên BKS.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát Công ty gồm 02 thành viên, trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên vừa trực tiếp tham gia quản lý, vừa thực hiện vai trò kiểm soát tại Công ty theo từng lĩnh vực gắn với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công;

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

- Thực hiện công việc giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, phân phối tiền lương cho người lao động.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2021 (VND)
1	Ông Bùi Tiến Hải	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24/6/2021)	21.600.000
2	Ông Lý Xuân Tuyên	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 24/6/2021 đến nay)	21.600.000
2	Ông Đặng Văn Lâm	Thành viên HĐQT	37.800.000
3	Ông Trần Văn Chương	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	383.400.000
4	Ông Hà Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	37.800.000

